

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Án số: 61 /2018/HNGĐ- ST

Ngày: 07/12/2018.

V/v: *Tranh chấp hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Hương- Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tin

Ông Nguyễn Hải Lý

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 221/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 về “ *Tranh chấp HN&GD*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST/HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1987 (có mặt)

Cư trú tại: thôn C, xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1994 (vắng mặt không có lý do chính đáng)

Cư trú tại: thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05 tháng 9 năm 2018 được bổ sung bằng bản tự khai và các lời khai sau này nguyên đơn là anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị V kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tháng 6 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị V không có trách nhiệm với gia đình, tính tình ương bướng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị V tự ý bỏ về bố mẹ đẻ, không liên lạc với anh, không quan tâm đến con cái. Tháng 10 năm 2017, chị V đón con trai út về chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 6/2016 đến nay. Sự việc vợ chồng như vậy hai gia đình dàn xếp, nhưng không có kết quả.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn B, sinh ngày 09/10/2013, Nguyễn Văn H, sinh 09/10/2013, hiện đang ở với anh, Nguyễn Văn Gia Kh sinh 07/9/2015, hiện đang ở với chị V.

Nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi con chung Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H, chị Vân nuôi con chung Nguyễn Văn Gia Kh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, số nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp anh C xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị V là bị đơn: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự. Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị V đều cố tình trốn tránh khai báo, không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt tại phiên họp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS, từ bỏ quyền của mình.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 227, 228, 271, 273 BLTTDS, Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Quan hệ vợ chồng: anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Trần Thị V
- Con chung: Anh C nuôi cháu Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn H; chị V nuôi cháu Nguyễn Văn Gia Kh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.
- Án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về lệ phí, án phí tòa án buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V là bị đơn Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, giao 02 lần giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị V đều cố tình trốn tránh, không chấp hành theo giấy triệu tập, không có mặt tại phiên họp và phiên tòa.

Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192, Khoản 2 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Anh C và chị V kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q là phù hợp với các Điều 8,9 luật hôn nhân và gia đình. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tháng 6 năm 2016 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, chị V không có trách nhiệm với gia đình, tính tình ương bướng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị V về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 6/2016, vợ chồng chấm dứt quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay.

Kết quả xác minh tại gia đình chị V cung cấp nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh C chơi bời, cờ bạc, không chịu làm ăn, không có nghề nghiệp ổn định, không có trách nhiệm với vợ con. Nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh C đánh chị V. Năm 2016 do chị V bị đánh đập, cuộc sống không hạnh phúc, chị về nhà bố mẹ đẻ ở đến nay. Gia đình ông Trần Đức D (bố chị V) có hộ khẩu thường trú tại thôn Y1, xã Y2, huyện Y. Năm 2015 gia đình chuyển về sinh sống tại thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, chị V cư trú tại thôn Đ, xã Nh, huyện Y, tỉnh Bắc Giang từ năm 2016 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng anh C và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn là phù hợp với Điều 51, Khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Văn B, sinh ngày 09/10/ 2013, Nguyễn Văn H, sinh 09/10/2013, hiện đang ở với anh C, Nguyễn Văn Gia Kh sinh 07/9/2015 hiện đang ở với chị V. Để ổn định cuộc sống của các con chung, áp dụng Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung tên Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn H cho anh C chăm sóc nuôi dưỡng, giao con chung tên Nguyễn Văn Gia Kh cho chị V chăm sóc nuôi dưỡng. Anh C không đề nghị xem xét việc cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung, riêng, công sức đóng góp, số nợ, ruộng canh tác anh C xác định không có, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, anh C phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147; Điểm e Khoản 1 Điều 192, các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Trần Thị V

2. Về Con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn B, sinh ngày 09/10/ 2013, Nguyễn Văn H, sinh

09/10/2013. Giao cho chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Gia Kh, sinh 07/9/2015, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C và chị V có quyền thăm nom con chung

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh C phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2016/0002614 ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Anh C đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án./

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND(02b);
- THA;
- ĐS;
- Lưu HS- VP;
- Tư pháp xã V.

Bùi Thị Hương